

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. Tên Công ty quản lý quỹ: | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB |
| 2. Tên Ngân hàng giám sát: | NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) |
| 3. Tên Quỹ: | QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF |
| 4. Ngày lập báo cáo: | Ngày 10 tháng 01 năm 2015 |
| 5. Loại báo cáo: | Báo cáo tài chính quý IV/2014 |

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/14)	Số đầu năm (01/01/14)
A. TÀI SẢN				
1.	Tiền gửi ngân hàng	110	222 902 526 453	209 985 330 233
	1.1. Tiền gửi không kì hạn		863 419 396	656 096 047
	1.2. Tiền gửi có kì hạn		222 039 107 057	209 329 234 186
2.	Đầu tư chứng khoán	120		1 866 800 000
	2.1. Giá gốc chứng khoán			2 831 448 813
	2.2. Chênh lệch đánh giá lại			(964 648 813)
3.	Đầu tư khác	121	54 882 638 889	50 000 000 000
4.	Phải thu hoạt động đầu tư	130	835 595 849	1 396 805 556
5.	Phải thu khác	131	1 793 156 868	1 431 072 747
	TỔNG TÀI SẢN	200	280 413 918 059	264 680 008 536
B. NGUỒN VỐN				
I.	Nợ phải trả	300	480 457 100	500 248 630
1.	Vay ngắn hạn	310		
2.	Phải trả hoạt động đầu tư	311	190 500	
3.	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	312	324 900 000	332 500 000
4.	Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ	314		
5.	Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, NH giám sát	315	135 366 600	127 748 630
6.	Phải trả khác	318	20 000 000	40 000 000
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	400	279 933 460 959	264 179 759 906
1.	Vốn góp của các nhà đầu tư	410	240 080 000 000	240 080 000 000
	1.1. Vốn góp	411	240 080 000 000	240 080 000 000
	1.2. Thặng dư vốn	412		
2.	Kết quả hoạt động chưa phân phối	420	39 853 460 959	24 099 759 906
	TỔNG NGUỒN VỐN	430	280 413 918 059	264 680 008 536

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/14)	Số đầu năm (01/01/14)
1. Nợ khó đòi đã xử lý			
2. Ngoại tệ các loại			
3. Chứng khoán theo mệnh giá			1 300 000 000

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)



Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Lê Sỹ Hoàng

Người lập biểu

(Signature)

Mai Thị Kim Loan

Ngày 10 tháng 01 năm 2015
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB



Kế toán trưởng

(Signature)

Phạm Trâm Như Nguyệt

Tổng giám đốc

(Signature)

Nguyễn Minh Tuấn

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Quý IV năm 2014

- Tên Công ty quản lý quỹ:
- Tên Ngân hàng giám sát:
- Tên Quỹ:
- Ngày lập báo cáo:
- Loại báo cáo:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB
NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF
Ngày 10 tháng 01 năm 2015
Báo cáo tài chính quý IV/2014

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã Số	Năm báo cáo (Năm 2014)		Năm trước năm báo cáo (Năm 2013)	
			Số phát sinh kỳ báo cáo (Quý IV/2014)	Lũy kế từ đầu năm 2014 đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước (Quý IV/2013)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A	Xác định KQHD đã thực hiện					
I.	Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	10	3 741 918 541	16 617 990 352	5 031 273 879	24 393 313 477
1.	Cổ tức được nhận	11		75 400 000		123 630 000
2.	Lãi trái phiếu được nhận	12				
3.	Lãi tiền gửi được nhận	13	3 109 793 655	13 325 495 333	3 894 051 656	12 334 410 473
4.	Thu nhập bán chứng khoán	14	(187 720 963)	(977 334 163)		
5.	Các khoản thu nhập khác	18	819 845 849	4 194 429 182	1 137 222 223	11 935 273 004
II.	Chi phí	30	563 294 719	1 828 938 112	507 992 435	1 860 837 569
1.	Phí quản lý quỹ	31	348 744 956	1 366 299 248	328 649 094	1 392 318 257
2.	Phí lưu ký, giám sát	32	55 862 287	219 066 871	52 741 588	223 407 918
2.1	Phí lưu ký tại Ngân hàng giám sát		55 799 193	218 607 879	52 583 855	222 770 920
2.2	Phí lưu ký tại TTLKCK Việt Nam		63 094	458 992	157 733	636 998
3.	Chi phí họp, đại hội	33	41 246 700	76 046 700	5 145 486	47 744 256
4.	Chi phí kiểm toán	34	40 718 408	62 718 408	40 999 900	62 862 200
5.	Chi phí tư vấn định giá	35				
6.	Phí và chi phí khác	38	76 722 368	104 806 885	80 456 367	134 504 938
III.	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I-II)	50	3 178 623 822	14 789 052 240	4 523 281 444	22 532 475 908
B	Xác định kết quả chưa thực hiện					
I.	Thu nhập	60	249 253 613	1 250 648 813		200 200 000
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	249 253 613	1 250 648 813		200 200 000
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62				
II.	Chi phí	70	46 800 000	286 000 000	75 400 000	436 800 000
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	46 800 000	286 000 000	75 400 000	436 800 000
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72				
III.	Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ (I-II)	80	202 453 613	964 648 813	(75 400 000)	(236 600 000)
C.	Tổng lợi nhuận ròng		3 381 077 435	15 753 701 053	4 447 881 444	22 295 875 908

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



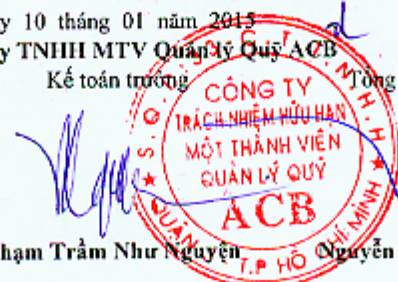
Lê Sỹ Hoàng

Người lập biểu

Mai Thị Kim Loan

Ngày 10 tháng 01 năm 2015
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Kế toán trưởng



Phạm Trâm Như Nguyễn

Tổng giám đốc

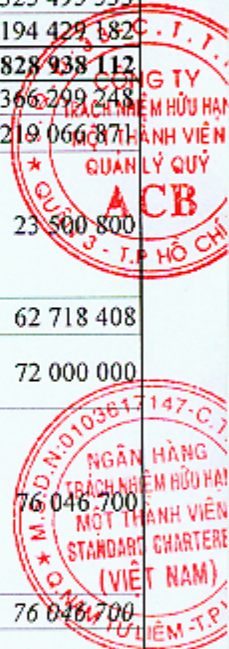
Nguyễn Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Quý IV năm 2014

1. Tên Công ty quản lý quỹ: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB**
2. Tên Ngân hàng giám sát: **NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**
3. Tên Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF**
4. Ngày lập báo cáo: Ngày 10 tháng 01 năm 2015
5. Loại báo cáo: Báo cáo tài chính quý IV/2014

Chứng chỉ tính : VND

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (Quý IV/2014)	Kỳ trước (Quý III/2014)	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư	3 929 639 504	4 438 782 099	17 595 324 515
1	Cổ tức được nhận			75 400 000
2	Lãi trái phiếu được nhận			
3	Lãi tiền gửi	3 109 793 655	3 301 559 877	13 325 495 333
4	Các khoản thu nhập khác	819 845 849	1 137 222 222	4 194 429 182
II	Chi phí	563 294 719	401 130 057	1 828 938 112
1	Phí Quản lý trả cho công ty quản lý Quỹ	348 744 956	344 214 766	1 366 299 248
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát	55 862 287	55 154 791	219 066 871
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có)		1 100 000	23 500 800
4	Chi phí Kiểm toán	40 718 408		62 718 408
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ	72 000 000		72 000 000
6	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi báo cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ	41 246 700		76 046 700
	<i>Chi phí họp, đại hội</i>	<i>41 246 700</i>		<i>76 046 700</i>
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ		39 000	39 000
8	Các loại phí khác	4 722 368	621 500	9 267 085
	<i>Phí ngân hàng</i>	<i>389 400</i>	<i>621 500</i>	<i>4 934 117</i>
	<i>Chi phí khác</i>	<i>4 332 968</i>		<i>4 332 968</i>
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I - II)	3 366 344 785	4 037 652 042	15 766 386 403
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	14 732 650	(57 200 000)	(12 685 350)
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(187 720 963)		(977 334 163)
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	202 453 613	(57 200 000)	964 648 813
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	3 381 077 435	3 980 452 042	15 753 701 053
VI	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ	276 552 383 524	272 571 931 482	264 179 759 906



Klm

VII	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ Trong đó	3 381 077 435	3 980 452 042	15 753 701 053
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư trong kỳ	3 381 077 435	3 980 452 042	15 753 701 053
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ			
VIII	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	279 933 460 959	276 552 383 524	279 933 460 959
IX	Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			



Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Bà Lê Sỹ Hoàng

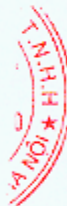
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Ông Nguyễn Minh Tuấn

Tổng giám đốc



BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Tên Công ty quản lý quỹ: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB**
- Tên Ngân hàng giám sát: **NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**
- Tên Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF**
- Ngày lập báo cáo: Ngày 10 tháng 01 năm 2015
- Loại báo cáo: Báo cáo tài chính quý IV/2014

Đơn vị tính: VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo (31/12/14)	Kỳ trước (30/09/14)	%/ kỳ trước
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	222 902 526 453	219 621 974 264	101.49%
	Tiền			
	Tiền gửi ngân hàng	222 902 526 453	219 621 974 264	101.49%
	Các khoản tương đương tiền			
I.2	Các khoản Đầu tư	54 882 638 889	50 629 200 000	108.40%
	Trái phiếu			
	Cổ phiếu		629 200 000	0.00%
	Cổ phiếu niêm yết		629 200 000	0.00%
	Cổ phiếu chưa niêm yết			
	Các khoản đầu tư khác	54 882 638 889	50 000 000 000	109.77%
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận			
	Cổ tức được nhận			
	Trái tức được nhận			
I.4	Lãi được nhận	2 501 752 717	6 779 840 882	36.90%
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	127 000 000		N/A
I.6	Các khoản phải thu khác			
I.7	Các tài sản khác			
I.8	TỔNG TÀI SẢN	280 413 918 059	277 031 015 146	101.22%
STT	Nợ	Kỳ báo cáo (31/12/14)	Kỳ trước (30/09/14)	%/ kỳ trước
II.1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán			
II.2	Các khoản phải trả khác	480 457 100	478 631 622	100.38%
	Phí quản lý phải trả	116 695 345	115 285 881	101.22%
	Phí giám sát và phí lưu ký phải trả	18 671 255	18 445 741	101.22%
	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	324 900 000	324 900 000	100.00%
	Chi phí hợp phải trả			
	Chi phí kiểm toán phải trả	20 000 000	20 000 000	100.00%
	Chi phí thù lao ban đại diện Quỹ			
	Phải trả phí môi giới bán CK	190 500		N/A
II.3	TỔNG NỢ	480 457 100	478 631 622	100.38%
	Tài sản ròng của Quỹ (I.8 - II.3)	279 933 460 959	276 552 383 524	101.22%
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	24 008 000	24 008 000	100.00%
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	11 660	11 519	101.22%



Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Bà Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Ông Nguyễn Minh Tuấn
Tổng giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ
Quý IV năm 2014

1. Tên Công ty quản lý quỹ: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB**
 2. Tên Ngân hàng giám sát: **NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**
 3. Tên Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB - ACBGF**
 4. Ngày lập báo cáo: **Ngày 10 tháng 01 năm 2015**
 5. Loại báo cáo: **Báo cáo tài chính quý IV/2014**

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (Quý IV/2014)	Kỳ trước (Quý III/2014)
I.	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	276 552 383 524	272 571 931 482
II.	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	3 381 077 435	3 980 452 042
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Thay đổi giá trị tài sản ròng do phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng</i>		
1.	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	3 381 077 435	3 980 452 042
2.	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
III.	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	279 933 460 959	276 552 383 524
IV.	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	11 660	11 519

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)



Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Lê Sỹ Hoàng

Ngày 10 tháng 01 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Trâm Như Nguyễn

Nguyễn Minh Tuấn